chū shòu

出售

Verb · to sell

Example Sentences

zhè jiā diàn chū shòu gè zhǒng xié lǚ
这家店出售各种鞋履。

This store sells various types of footwear.

zhè jiā shāng diàn chū shòu gè zhǒng xīn xiān shuǐ guǒ
这家商店出售各种新鲜水果。

This shop sells various kinds of fresh fruit.

wǒ men jué dìng chū shòu zhè dòng fáng zi
我们决定出售这栋房子。

We decided to sell this house.

Trace each character, then write the word on your own.

出 出 出 出 出 出 出 出

售 售 售 售 售 售 售 售 售 售 售 售 售 售